

Bản án số: 845/2019/DS-PT.

Ngày: 26-9-2019.

V/v tranh chấp hợp đồng thuê nhà.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Nhung.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền.
2. Bà Phan Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Từ Thanh Uyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 75/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê nhà”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 779/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3139/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 6201/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Dương Thái H, sinh năm 1975.

1.2 Bà Võ Thị Hồng T, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số 424 đường TC, Phường 14, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Ngô Đình N, sinh năm 1991. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 94 đường Đường NHT, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy uỷ quyền số 016663 lập tại Văn phòng Công chứng Ninh Thị Hiền ngày 20 tháng 10 năm 2017).

2. Bị đơn: Công ty F.

Địa chỉ: Số 190B đường TQK, phường TĐ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T1, sinh năm 1968 (Có mặt) và bà Hồ Cẩm T2, sinh năm 1995 (Vắng mặt). (Theo giấy ủy quyền số: 11/2018/GUQ-FM ngày 19 tháng 11 năm 2018)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Phạm Hà Thùy B, năm sinh 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 88/89/30/26/56 đường NVQ, phường PT, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B:

- Bà Vũ Thị T3, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

- Bà Phạm Thị Tuyết N1, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 94 đường Đường NHT, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 001705 lập tại Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền ngày 30 tháng 01 năm 2018 và Giấy ủy quyền số 00008386 lập tại Văn phòng công chứng Đồng Tâm ngày 22 tháng 4 năm 2019).

3.2 Công ty TNHH dịch vụ y học cổ truyền HC.

Địa chỉ: Số 424 đường TC, Phường 13, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Hà Thùy B, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 88/89/30/26/56 đường NVQ, phường PT, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2017; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 07 tháng 02 năm 2017; Bản khai và biên bản hòa giải của nguyên đơn là ông Dương Thái H và bà Võ Thị Hồng T có ông Ngô Đình N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty F (Bị đơn) và ông Dương Thái H, bà Võ Thị Hồng T (Nguyên đơn) có ký hợp đồng thuê tài sản vào ngày 20 tháng 02 năm 2017 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Kim Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng, ông Hà và bà T cho Công ty F thuê căn nhà số 424 đường TC, Phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; Giá thuê: 34.000.000 đồng/tháng; Thời hạn thuê: Từ ngày 20 tháng 01 năm 2017 đến 24 tháng 7 năm 2032; Tiền đặt cọc: 102.000.000 đồng; Mục đích thuê: Ở và kinh doanh. Sau khi thuê, bị đơn đã cho bà Phạm Hà Thùy B thuê lại căn nhà trên và bà B đã mở Công ty TNHH dịch vụ y học cổ truyền HC tại đây. Hợp đồng ký giữa nguyên đơn và bị đơn không quy định việc cho thuê lại nên nếu bị đơn cho thuê lại thì phải báo cho nguyên đơn biết. Trong thời gian thuê nhà, bị đơn đã vi phạm thời hạn trả tiền thuê nhà theo quy định tại mục 2.2 Điều 4 của hợp đồng. Do bị đơn cho người khác thuê lại mà không được sự đồng ý của nguyên đơn và vi phạm thời gian thanh toán tiền

thuê nhà nên ngày 14 tháng 8 năm 2017 nguyên đơn đã gửi cho bị đơn thông báo chấm dứt hợp đồng thuê nhà.

Ngày 20 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê tài sản ký ngày 20 tháng 02 năm 2017 với bị đơn và buộc bị đơn trả lại căn nhà số 424 đường TC, Phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh cho nguyên đơn.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017, nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung về số tiền 102.000.000 đồng là tiền đặt cọc, do bị đơn vi phạm hợp đồng nên phải chịu mất số tiền đặt cọc. Yêu cầu Tòa án tuyên xử 102.000.000 đồng thuộc về bị đơn.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê nhà với bị đơn và yêu cầu bị đơn trả lại căn nhà số 424 đường TC, Phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu Tòa tuyên xử số tiền 102.000.000 đồng thuộc về nguyên đơn. Tại biên bản hòa giải ngày 24 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn trình bày nguyên đơn sẽ trả lại cho bị đơn số tiền đặt cọc là 102.000.000 đồng khi hai bên chấm dứt hợp đồng thuê tài sản. Bị đơn thuê nhà là để ở hoặc kinh doanh, hợp đồng có quy định việc sửa chữa là để phù hợp với bên bị đơn nên trong trường hợp bị đơn có sửa chữa thì nguyên đơn cũng không phải trả lại chi phí sửa chữa. Căn nhà số 424 đường TC, Phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh hiện bị đơn, bà B, Công ty TNHH dịch vụ y học cổ truyền HC không còn thuê và sử dụng nên hiện nguyên đơn đang quản lý.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại đơn phản tố, bản khai, biên bản hòa giải, bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Family Max có ông Nguyễn T1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hợp đồng thuê nhà, giá thuê, thời gian thuê. Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau: Nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng là do bị đơn cho bên thứ ba thuê lại mà không báo cho nguyên đơn biết và do bị đơn vi phạm thời hạn trả tiền thuê. Tại khoản 2 Điều 6 của hợp đồng có quy định “Bên B được quyền tự do hoạt động, kinh doanh ngành nghề mà pháp luật hoặc bên A không cấm” nên bị đơn không có nghĩa vụ phải báo cho nguyên đơn biết. Bị đơn có vi phạm thời hạn trả tiền thuê nhà theo như quy định tại mục 2.2 khoản 2 Điều 4 của hợp đồng nhưng không vi phạm mục 2 Điều 5 của hợp đồng là điều kiện để bên nguyên đơn được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Ngày 15 tháng 10 năm 2017, bị đơn nhận được thông báo đề nghị đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê tài sản của nguyên đơn. Do bị đơn không vi phạm hợp đồng và nên nguyên đơn vẫn giữ tiền đặt cọc thì vẫn được coi là điều kiện để thực hiện hợp đồng. Nguyên

đơn đồng ý cho bị đơn thuê nhà là để kinh doanh, được quy định tại Điều 3 của hợp đồng, bị đơn sử dụng nhà thuê của nguyên đơn để kinh doanh cho thuê lại là hoàn toàn không trái với mục đích thuê và không trái với các ngành nghề mà nguyên đơn được phép kinh doanh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở nên bị đơn yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê và bị đơn không yêu nguyên đơn bồi thường, bị đơn không đồng ý nhận lại tiền cọc.

Tại đơn yêu cầu độc lập, bản khai, biên bản hòa giải của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Hà Thùy B có người có đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị T3 trình bày:

Ngày 06 tháng 3 năm 2017, bà B có ký hợp đồng với Công ty F (Bị đơn) với nội dung là bị đơn cho bà Tranh thuê căn nhà số 424 đường TC, Phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn thuê từ ngày 06 tháng 3 năm 2017 đến ngày 06 tháng 3 năm 2024; Mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật; Giá thuê ban đầu là 45.000.000 đồng; Đặt cọc là 135.000.000 đồng. Bà B đã trả tiền thuê nhà đầy đủ 05 tháng tiền thuê nhà từ tháng 4/2017 đến tháng 8/2017 là 225.000.000 đồng, tháng 9/2017 bà B không trả nữa là vì ngày 14 tháng 8 năm 2017 nhận được thông báo của ông H – bà T là chủ sở hữu căn nhà thông báo với bên bị đơn việc chấm dứt hợp đồng và đòi lại nhà. Ngày 15 tháng 9 năm 2017, bị đơn gửi thông báo cho bà B về việc chấm dứt hợp đồng thuê nhà với bà B vì bà B không trả tiền thuê nhà và yêu cầu trả tiền thuê nhà những tháng tiếp theo và bồi thường hợp đồng với số tiền là 300.000.000 đồng, bà B không đồng ý vì bà B không vi phạm. Ngày 01 tháng 3 năm 2018, bà B có đơn yêu cầu độc lập, bà B yêu cầu hủy hợp đồng ký giữa bà B và bị đơn vì căn nhà bà B thuê không thuộc quyền sở hữu của bị đơn; Đồng thời yêu cầu bị đơn trả lại tiền đặt cọc là 135.000.000 đồng.

Tại bản khai bà Phạm Hà Thùy B – Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH dịch vụ y học cổ truyền HC Người là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thông nhất với những gì mà bà Tạng trình bày và không có ý kiến gì khác, bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bản án số: 779/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thái H và bà Võ Thị Hồng T yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê tài sản ký ngày 20 tháng 01 năm 2017 với Công ty F và buộc Công ty F trả lại căn nhà đã thuê số 424 đường TC, Phường 13, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Hà Thùy B:

2.1 Tuyên bố hợp đồng thuê nhà giữa Công ty F với bà Phạm Hà Thùy B ký ngày 06 tháng 3 năm 2017 là vô hiệu;

2.2 Buộc Công ty F trả lại cho bà Phạm Hà Thùy B số tiền đặt cọc là 135.000.000đồng theo hợp đồng ngày 06 tháng 3 năm 2017 ký giữa bà Phạm Hà Thùy B và Công ty F.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố đối với yêu cầu độc lập của Công ty F:

3.1 Buộc bà Phạm Hà Thùy B phải thanh toán tiền thuê nhà còn thiếu cho Công ty F là 68.000.000đồng, căn trừ vào khoản tiền đặt cọc là 135.000.000 đồng mà Công ty F nhận của bà B. Công ty F có trách nhiệm trả lại cho bà B số tiền là 67.000.000đồng;

3.2 Không chấp nhận yêu cầu của Công ty F buộc bà B bồi thường tiền thuê nhà từ ngày 16 tháng 10 năm 2017 đến ngày 06 tháng 3 năm 2018 là 247.500.000đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 77/2018/QĐ-SCBSQĐ về việc bổ sung bản án sơ thẩm.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 78/2018/QĐ-SCBSQĐ về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018, bị đơn Công ty F có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 779/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. Công nhận hợp đồng ký kết giữa Công ty F và bà Phạm Hà Thùy B không bị vô hiệu. Tuyên bố Công ty F không phải hoàn trả lại số tiền 135.000.000 đồng cho bà B. Buộc bà B phải bồi thường cho Công ty F tiền thuê nhà từ ngày 16 tháng 10 năm 2017 đến ngày 06 tháng 3 năm 2018 là 247.500.000 đồng.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNST-VKS-DS về việc kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 779/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung kháng nghị như sau:

Về tố tụng: Theo khoản 1 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Sau khi tuyên án xong thì không được sửa chữa, bổ sung bản án trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai”, do đó Viện kiểm sát không chấp nhận quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm này. Bản án tuyên ngày 28 tháng 11 năm 2018 nhưng đến ngày 12 tháng 12 năm 2018, Viện kiểm sát mới nhận được bản án là vi phạm khoản 2 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngày 24 tháng 10 năm 2017, ông Hà và bà T khởi kiện; Ngày 07 tháng 11 năm 2017, ông H và bà T có đơn khởi kiện bổ sung; Ngày 22 tháng 12 năm 2017, ông H và bà T có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện; Ngày 24 tháng 10 năm 2018, ông H và bà T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Ngày 01 tháng 3 năm 2018, bà B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập, nên thay đổi địa vị tố tụng trở thành nguyên đơn. Ngày 03 tháng 4 năm 2018, Công ty F là bị đơn có đơn phản tố đối với yêu cầu độc lập của bà B. Tuy nhiên, trong phần quyết định, Tòa án không nêu căn cứ pháp lý theo Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 219, Điều 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện và thay đổi địa vị tố tụng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và địa vị tố tụng phải được công bố công khai tại phiên tòa, ghi vào biên bản phiên tòa và nhận định trong bản án. Về án phí dân sự sơ thẩm, theo khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì “Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận...”. Do đó, phần quyết định của bản án tại mục 4 B 10 quyết định về án phí dân sự sơ thẩm là không đúng.

Như vậy, bản án dân sự sơ thẩm số 779/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh đã vi phạm về nội dung và tố tụng khi giải quyết trong vụ án theo điều luật đã viện dẫn như trên. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm nói trên đối với một phần quyết định của bản án. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị phúc thẩm để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn được pháp luật bảo vệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Việc Tòa án sơ thẩm ban hành quyết định số 77/2018/QĐ-SCBSQĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 và quyết định số 78/2018/QĐ-SCBSQĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 sửa chữa đối với bản án sơ thẩm là không đúng theo quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không thay đổi địa vị tố tụng và không nhận định và quyết định trong bản án là vi phạm khoản 2 Điều 217 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo bị đơn là Công ty F, Tòa sơ thẩm căn cứ tài liệu trong vụ án và quy định pháp luật để giải quyết vụ án là có cơ sở và đúng pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy Tòa sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Tòa phúc thẩm không thể khắc phục.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của Công ty F, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là Ông Dương Thái H, bà Võ Thị Hồng T có người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Đình N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Hà Thùy B có người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Thị T3 và bà Phạm Thị Tuyết N1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Công ty TNHH dịch vụ y học cổ truyền HC có bà Phạm Hà Thùy B là người đại diện theo pháp luật đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt những đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty F. Nhận thấy:

[2.1] Tại Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông H và bà T do có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập đối với bị đơn nên vụ án vẫn tiếp tục giải quyết và địa vị tố tụng của các đương sự trong vụ án thay đổi. Căn cứ khoản 2 Điều 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm b1 khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án cấp sơ thẩm phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu của người khởi kiện, tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung và tùy từng trường hợp cụ thể xác định lại địa vị tố tụng của các đương sự. Trong trường hợp này, bà B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trở thành nguyên đơn; Người bị khởi kiện theo yêu cầu độc lập là Công ty F vẫn là bị đơn; Nguyên đơn là ông H và bà T trở thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này; Công ty TNHH dịch vụ y học cổ truyền HC vẫn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu của người khởi kiện, trong quyết định đình chỉ xác định lại địa vị tố tụng của các đương sự và tiếp tục giải quyết

vụ án theo thủ tục chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã không thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự là không phù hợp với quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Như vậy, việc kháng cáo của bị đơn là có căn cứ.

[2.2] Ngày 13 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 78/2018/QĐ-SCBSQĐ về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm. Theo đó, tại phần “Nhận định của Tòa án” bổ sung thêm về việc thay đổi địa vị tố tụng của các bên theo quy định tại Điều 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bổ sung thêm về việc nhận định lại phần án phí để sửa chữa số tiền án phí đương sự phải chịu. Tại phần “Quyết định”, bổ sung thêm về điều luật được áp dụng khi xét xử; Bổ sung, sửa chữa lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà các bên phải chịu, phải nộp thêm. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Sau khi tuyên án xong thì không được sửa chữa, bổ sung bản án, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai” nên việc sửa chữa, bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm tại quyết định trên là không đúng với quy định của điều luật.

[3] Xét nội dung kháng nghị tại quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNST-VKS-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại quyết định kháng nghị, Viện kiểm sát nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị về quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 78/2018/QĐ-SCBSQĐ; Về việc không nêu căn cứ pháp lý trong phần quyết định; Về sai sót trong tính án phí dân sự sơ thẩm. Như đã phân tích trên, việc Tòa án nhân dân quận TB ban hành quyết định số 78/2018/QĐ-SCBSQĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm là không đúng với quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát nhân dân quận TB kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 779/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận TB là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác định lại địa vị tố tụng của các đương sự khi đương sự có thay đổi yêu cầu khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm pháp luật. Quyết định số 78/2018/QĐ-SCBSQĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm ban hành không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn là có căn cứ.

[6] Như vậy, kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận, nên cần hủy bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; Hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bị đơn là Công ty F.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 308 và khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận kháng cáo bị đơn là Công ty F.

3. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 779/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao toàn bộ hồ sơ dân sự phúc thẩm thụ lý số: 75/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

5. Về án phí phúc thẩm: Hoàn lại cho Công ty F số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0037596 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận TB, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận TB, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Nhung

